

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2023.

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM Đ

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Thạch Thị Lan Nhung**

Bà Ngô Thị Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đ tham gia phiên tòa: Ông **Mai Trường Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kiều X**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn TL, xã ĐP, huyện LH, tỉnh LĐ.

- Bị đơn: Anh **Đỗ Văn Đ**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn TN, xã ĐP, huyện LH, LĐ.

(Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Kiều X có mặt, anh Đỗ Văn Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều X trình bày: Chị Nguyễn Thị Kiều X và anh Đỗ Văn Đ xây dựng gia đình với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đan Phượng, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đ vào ngày 11/02/2014. Quá

trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bắt Đ quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra anh Đ còn thường xuyên chửi bới, đánh đập chị X nên mâu thuẫn nặng nề hơn, anh chị đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay chị X xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Đ nên chị X yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung vợ chồng chị X có 03 con chung là Đỗ Đức Kiên, sinh ngày 22/01/2014, Đỗ Đức Cường, sinh ngày 31/12/2014 và Đỗ Thị Hoa, sinh ngày 01/12/2018. Khi ly hôn chị X yêu cầu giao cả ba con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị X không cấp dưỡng nuôi con. Sau này chị X có cuộc sống ổn định thì chị X sẽ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị X xác định không có nên khi ly hôn chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Đỗ Văn Đ trình bày: Anh Đỗ Văn Đ và chị Nguyễn Thị Kiều X xây dựng gia đình với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đan Phượng, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đ vào ngày 11/02/2014. Sau khi kết hôn anh chị sống ở thôn Thống Nhất, xã Đan Phượng, huyện Lâm Hà. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bắt Đ quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài không còn khả năng hàn gắn nên anh Đ Đ ý ly hôn theo yêu cầu của chị X. Đ thời, anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh để anh sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung anh Đ có 03 con chung là Đỗ Đức Kiên, sinh ngày 22/01/2014, Đỗ Đức Cường, sinh ngày 31/12/2014 và Đỗ Thị Hoa, sinh ngày 01/12/2018. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị X giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ. Chị X yêu cầu giao cả ba con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000Đ một tháng cho cả ba con chung. Các vấn đề khác chị X không có yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội Đ xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội Đ xét xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị X, giao cả ba con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000Đ một tháng cho cả ba con chung. Các vấn đề khác không đặt ra để xem xét giải quyết. Buộc chị X phải chịu án phí về việc ly hôn và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, anh Đỗ Văn Đ vắng mặt nhưng anh Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh Đ là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đỗ Văn Đ và chị Nguyễn Thị Kiều X xây dựng gia đình với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đan Phượng, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đ vào ngày 11/02/2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại phiên tòa, chị X xác định quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc do vợ chồng bắt Đ quan điểm và đã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Vì vậy, chị X giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị X được ly hôn với anh Đ.

Xét thấy, chị X và anh Đ phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022, nguyên nhân do anh chị bất Đ quan điểm nên cuộc sống chung không được hạnh phúc và đã tự sống ly thân gần một năm nay. Đến nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài nên chị X yêu cầu ly hôn, anh Đ cũng Đ ý lý hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị X, xử cho chị X và anh Đ được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Anh Đỗ Văn Đ và chị Nguyễn Thị Kiều X có 03 con chung là Đỗ Đức Kiên, sinh ngày 22/01/2014, Đỗ Đức Cường, sinh ngày 31/12/2014 và Đỗ Thị Hoa, sinh ngày 01/12/2018. Khi ly hôn chị X yêu cầu giao cả ba con chung cho anh Đ nuôi dưỡng và trong lời khai của mình anh Đ cũng yêu cầu được nuôi cả ba con chung. Xét thấy, từ khi vợ chồng không sống với nhau thì các con ở với anh Đ, điều kiện kinh tế của anh Đ đảm bảo việc nuôi con tốt và có mẹ phụ giúp việc nuôi con. Còn chị X hiện nay đang làm công nhân ở thành phố Hồ Chí Minh, chưa có nhà ở, thu nhập ổn định và chị X xác định trước đây chị X cũng đã đón con gái về ở với chị X nhưng do điều kiện chị đang đi làm thuê nên chị X cũng dẫn con về nhờ bố mẹ chị X nuôi giúp nên anh Đ đã đón con về sống cùng với anh Đ. Hơn nữa, hiện nay cháu Kiên và cháu Cường đã trên 07 tuổi, các cháu trình bày nguyện vọng được sống với bố khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để ổn định về tâm sinh lý và không làm xáo trộn về nơi ở, việc học tập và sinh hoạt của con chung, giao cả ba con chung cho anh Đ có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp.

[4] *Về việc cấp dưỡng nuôi con*: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ trình bày anh Đ không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000Đ một tháng cho cả ba con chung. Xét thấy, đây là quyền lợi của các con anh chị và thể hiện trách nhiệm làm mẹ của chị X khi không trực tiếp nuôi con, cần ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị X là hoàn toàn phù hợp.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Đỗ Văn Đ và chị Nguyễn Thị Kiều X xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội Đ xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị Kiều X phải chịu 300.000Đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000Đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227 và Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều X, xử cho chị Nguyễn Thị Kiều X và anh Đỗ Văn Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cả ba con chung là Đỗ Đức Kiên, sinh ngày 22/01/2014, Đỗ Đức Cường, sinh ngày 31/12/2014 và Đỗ Thị Hoa, sinh ngày 01/12/2018 cho anh Đỗ Văn Đ có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Chị Nguyễn Thị Kiều X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000Đ (Hai triệu Đ) một tháng cho cả ba con chung, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trở đi cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều X phải chịu 300.000Đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000Đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Kiều X đã nộp là 300.000Đ theo biên lai thu tiền số 0010923 ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đ. Chị Nguyễn Thị Kiều X còn phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn Đ) án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2023) chị Nguyễn Thị Kiều X có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng anh Đỗ Văn Đ mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đ (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trịnh Đoàn Hạnh Trang

